

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 343/2022/DS-PT

Ngày: 30 / 12 /2022

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhân**

Các Thẩm phán:

Bà **Lâm Ngọc Tuyền**

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Tấn Dũ**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm B khai vụ án thụ lý số: 256/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: “**Đòi tài sản**”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2022/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 315/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Ngọc A**, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp AB, xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Lưu Tấn B**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp AB, xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn Lưu Tấn B.

NỘI A VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc A trình bày:**

Anh Lưu Tấn B là con ruột của bà, ngày 10/7/2020 bà cho anh B mượn số tiền 300.000.000đồng để mua xe ô tô kinh doanh vận tải, khi cho mượn bà chuyển khoản qua ngân hàng cho anh B nên không viết biên nhận, không tính lãi suất, khi nào bà cần

lấy lại, bà đòi thì anh B trả lại. Do bà cần tiền để chữa bệnh và sinh sống hàng ngày và có đòi nhiều lần nhưng anh B có trả cho bà được 13.000.000đ, từ khi bà kiện đến nay anh B có trả cho bà thêm 7.000.000đ nữa, tổng cộng là 20.000.000đ. Hiện còn nợ lại 280.000.000đ, anh B không đồng ý trả. Bà khởi kiện yêu cầu anh B trả cho bà số tiền vốn vay còn lại là 280.000.000đ và trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Lưu Tấn B trình bày:*

Anh B xác định bà A là mẹ ruột của anh. Vào ngày 10/7/2020 bà A có chuyển khoản cho anh 300.000.000đ để mua xe ô tô kinh doanh vận tải, nhưng số tiền này bà A cho anh chứ không phải cho mượn. Sau đó anh làm có tiền thì cho lại bà A để tiêu xài hàng ngày nhiều lần, mỗi lần khoảng 1.000.000đ. Nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu. Anh cũng không có yêu cầu đòi lại số tiền cho này. Nay kinh doanh thua lỗ anh cũng đã bán xe ô tô rồi. Đối với số tiền của bà A yêu cầu anh trả lại, do bà A hứa cho anh nên anh không đồng ý trả tiền lại theo yêu cầu của bà A.

Bản án sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc A.

- Buộc anh Lưu Tấn B trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc A số tiền vay còn nợ là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc A;

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội A vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ

sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc A, buộc anh Lưu Tấn B trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc A số tiền 280.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Tấn B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện AA.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” là không phù hợp, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội A: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lưu Tấn B, không đồng ý yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc A đòi anh Lưu Tấn B phải trả số tiền 280.000.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét bà A và anh B trình bày thống nhất ngày 10/7/2020 bà A có chuyển khoản cho anh B 300.000.000đ qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện AA. Xét thấy về số tiền giao dịch hai bên đã thống nhất là 300.000.000đồng, bà A đã chuyển khoản cho anh B và anh đã nhận được 300.000.000đồng. Do vậy căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định tình tiết nêu trên là sự thật, không phải chứng minh.

- Xét bà A cho rằng bà cho anh B vay 300.000.000đồng vào ngày 10/7/2020, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói nhưng anh B không thừa nhận việc thỏa thuận hợp đồng vay tiền với bà A, bà A không cung cấp chứng minh hai bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản. Do vậy căn cứ Điều 643 BLDS, hợp đồng vay tiền giữa bà A và anh B chưa được xác lập nên không phát sinh hiệu lực hợp đồng vay tài sản.

- Xét anh B khai bà A đã cho anh số tiền 300.000.000đồng, nhưng bà A không thừa nhận; anh không có chứng cứ gì chứng minh bà A đã tặng cho số tiền 300.000.000đồng cho anh. Đồng thời anh cũng xác định việc bà A hiện sống một mình, ngoài số tiền này ra bà A không còn khoản thu nhập nào khác. Do vậy không có căn cứ xác định bà A đã tặng cho số tiền 300.000.000đồng cho anh B.

Như đã phân tích trên, bà A đã chuyển khoản cho anh B số tiền 300.000.000đồng. Bà A xác định anh B đã trả được 20.000.000đ, còn lại 280.000.000đ. Bà A khởi kiện đòi anh B phải trả cho bà số tiền 280.000.000đồng là phù hợp quy định Điều 166 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc anh B

trả lại cho bà A số tiền 280.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp qui định pháp luật.

Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lưu Tấn B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện AA chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc A.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh Lưu Tấn B không được Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Lưu Tấn B phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Lưu Tấn B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ vào các Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc A.

Buộc anh Lưu Tấn B trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc A số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Lưu Tấn B phải chịu 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lưu Tấn B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010038 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện AA;
- Chi cục THADS huyện AA;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhàn